

Số: /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO

Tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2018; vai trò của tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (Phục vụ Hội nghị phát triển kinh tế miền Trung)

Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội đảng toàn quốc XII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của Quốc hội, Chương trình hành động của Chính phủ và căn cứ vào điều kiện thực tiễn của địa phương, tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai 2016 -2020, trong đó, tập trung vào 03 nhiệm vụ đột phá: phát triển công nghiệp; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và 03 nhiệm vụ trọng tâm: phát triển dịch vụ, du lịch và kinh tế biển, đảo; cải cách hành chính; phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, ưu tiên 06 huyện miền núi.

I. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2018

Trong 26 nhóm chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh Quảng Ngãi thì đến năm 2018 đã có một số chỉ tiêu đạt khá và vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra, có chỉ tiêu đạt một phần (có từ 4 - 5 chỉ tiêu). Dự kiến từ nay đến năm 2020, việc hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra vẫn còn gặp khó khăn, thách thức, trong đó, dự kiến có 02 chỉ tiêu kinh tế khó đạt là: Cơ cấu kinh tế và GRDP bình quân đầu người đến năm 2020. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- *Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP)* năm 2018 đạt 51.648 tỷ đồng (giá so sánh 2010), tăng 11,9% so với năm 2016; bình quân giai đoạn 2016 - 2018 tăng 5,57%/năm (Kế hoạch GRDP tăng bình quân từ 6-7%/năm).

GRDP bình quân đầu người năm 2018 đạt 2.601 USD (Kế hoạch đến năm 2020 GRDP bình quân đầu người đạt từ 3.600 - 4.000 USD/người). Nguyên nhân đến năm 2018 đạt thấp là do giá dầu giảm sâu, có thời điểm chỉ bằng khoảng 50% giá trị trong năm 2015 - thời điểm xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020).

Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế: chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, giảm dần tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản. Đến năm 2018, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng đạt 53,43%, dịch vụ đạt 28,62%, nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 17,23% (Kế hoạch đến năm 2020, cơ cấu kinh tế tỉnh là CN-XD 60%-61%, DV 28%-29%, NLN&TS 11%-12%).

Về phát triển công nghiệp: Phát triển công nghiệp là nhiệm vụ đột phá của tỉnh trong giai đoạn 2016 - 2020. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2018 ước đạt 116.223 tỷ đồng; tăng bình quân giai đoạn 2016 - 2018 khoảng 2,87% (Kế hoạch đề ra, GTSX công nghiệp tăng bình quân tăng từ 2 - 3%/năm). Công tác thu hút đầu tư đối với lĩnh vực công nghiệp được chú trọng và đạt nhiều kết quả tích cực. Đặc biệt, trong năm 2017, Tập đoàn Hòa Phát đã khởi công đầu tư xây dựng Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất có công suất 4 triệu tấn/năm với tổng mức đầu tư 60.000 tỷ đồng và đã cho ra sản phẩm trong năm 2019.

Về phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch: Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ giai đoạn 2016 - 2018 có tốc độ tăng trưởng bình quân ước đạt 8,04%/năm (Kế hoạch đề ra tăng bình quân 12%/năm). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2018 đạt 51.036 tỷ đồng. Hoạt động vận tải có những chuyển biến tích cực cả về số lượng và chất lượng, lượng khách và lượng hàng hóa vận chuyển tăng bình quân lần lượt là 11,9%/năm và 14,5%/năm. Dịch vụ bưu chính, viễn thông phát triển mạnh. Hoạt động du lịch ngày càng phát triển, nhất là du lịch Lý Sơn; số lượng khách du lịch năm 2018 đạt 1 triệu lượt khách, tăng bình quân 14,5%/năm; doanh thu đạt 950 tỷ đồng, tăng 19,2%/năm. Kim ngạch xuất khẩu năm 2018 đạt 591 triệu USD (Kế hoạch đến năm 2020 đạt 1,0 tỷ USD), tăng bình quân 14,5%/năm.

Về phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản: Nông nghiệp tăng trưởng ổn định. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2016-2018 tăng bình quân 5,12%; cơ cấu giá trị sản xuất chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng lâm nghiệp và thủy sản. Tỷ lệ lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm còn 42% (Kế hoạch đến năm 2020 giảm còn 40%).

Từ năm 2016, đã triển khai xây dựng nhiều cánh đồng lớn trong sản xuất lúa; áp dụng quy trình 3 giảm 3 tăng, với tổng diện tích 4.703 ha; giai đoạn 2015 - 2018 đã dồn điền đổi thửa được 6.476 ha. Hàng năm chuyển đổi 650 - 800 ha cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác có hiệu quả cao hơn. Sản lượng thủy hải sản hàng năm tăng mạnh, năm 2018 đạt 240 nghìn tấn, tăng bình quân 13,8%/năm; so với năm 2016 tăng 62,6 nghìn tấn. Độ che phủ rừng đạt 50,63%.

Về xây dựng nông thôn mới: Sau gần 10 năm triển khai, Chương trình xây dựng nông thôn mới đã góp phần thay đổi đáng kể diện mạo nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần người dân. Đến cuối năm 2018 có 59 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tăng 48 xã so với năm 2015 (Kế hoạch đến năm 2020 có 80 xã và 02 huyện đạt chuẩn).

Về thu - chi ngân sách: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt kết quả tích cực và vượt chỉ tiêu Trung ương giao hàng năm. Tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2018 đạt 52.823 tỷ đồng. Trong đó, thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu nội địa và có xu hướng giảm dần qua các năm. Thu ngân sách từ nhà máy lọc dầu năm 2018 ước

đạt 10.706 tỷ đồng, chiếm 53,02% tổng thu ngân sách của tỉnh.

Huy động nguồn lực đầu tư xã hội ngày càng tăng cao; kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế ngày càng phát triển. Những năm qua tỉnh đã có nhiều chính sách và giải pháp khơi dậy nguồn nội lực và tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài để huy động vốn cho đầu tư phát triển. Ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông, điện, hạ tầng nông nghiệp, thủy lợi, hệ thống thông tin và truyền thông, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, Khu Kinh tế Dung Quất; chú trọng đầu tư hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa, hạ tầng các khu dân cư, khu đô thị... Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 3 năm 2016 - 2018 ước đạt 82.432 tỷ đồng (Kế hoạch lũy kế 5 năm 2016 - 2020 đạt trên 90.000 tỷ đồng). Đến cuối năm 2018, tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh ước đạt 20,55% (Kế hoạch đến năm 2020 là 23%).

Hệ thống kết cấu hạ tầng được đầu tư nâng cấp và phát triển; hạ tầng đô thị từng bước được hoàn thiện, các khu đô thị lớn, văn minh dần hình thành, hạ tầng nông thôn và các huyện miền núi được nâng lên rõ rệt nhằm phục vụ sản xuất và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Các công trình, dự án được quan tâm đầu tư, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và làm động lực phát triển cho giai đoạn tiếp theo, nhất là tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng trong Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu Công nghiệp, hạ tầng giao thông, đô thị, bệnh viện, trường học....

Hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất cũng dần được hoàn thiện với các dự án lớn đã đưa vào sử dụng như: Đường trục KCN phía Đông Dung Quất, tuyến đường Dốc Sỏi - Nhà máy đóng tàu Dung Quất, cầu cảng cá sông Trà Bồng, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, các tuyến đường phục vụ trong Khu kinh tế... Đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị, hạ tầng giao thông như: Hoàn thành dự án đường Sông Trường - Trà Bồng - Bình Long với chiều dài hơn 57 km; đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (đoạn Dung Quất - Mỹ Khê); đường bờ nam sông Trà Khúc; đưa vào sử dụng Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ngãi. Phối hợp với các bộ, ngành trung ương đầu tư mở rộng quốc lộ 1A (đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi), cao tốc Quảng Ngãi - Đà Nẵng, quốc lộ 24,... Hiện tại, tỉnh đang tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án hạ tầng quan trọng như: cầu Cửa Đại, đường nối từ cầu Thạch Bích đi Tịnh Phong, đầu tư tuyến đường Dung Quất - Sa Huỳnh (giai đoạn 2), đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc...

Về phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư: Tập trung triển khai quyết liệt các biện pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp; hàng tháng tổ chức chương trình Cà phê doanh nhân và Hỗ trợ khởi nghiệp; hàng quý tổ chức đối thoại doanh nghiệp và họp Tổ công tác hỗ trợ tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp; tăng cường cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian, giảm thủ tục; triển khai bộ tiêu chí đánh giá các sở, ngành, địa phương (DDCI) trong năm 2018. Trong giai đoạn 2016 - 2018, công tác thu hút đầu tư đạt nhiều kết quả khả quan. Đã cấp chủ trương đầu tư cho 255 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư 98.413 tỷ đồng; vốn thực

hiện ước đạt 32.000 tỷ đồng¹. Đã cấp giấy phép đầu tư cho 32 dự án FDI với tổng vốn 757,39 triệu USD²; có 31/63 dự án đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh; giải quyết việc làm cho khoảng 16.000 lao động. Có 2.122 doanh nghiệp được thành lập với tổng vốn đăng ký 30.563 tỷ đồng; hiện có 5.126 doanh nghiệp đang hoạt động.

Công tác bảo vệ, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu được chú trọng. Tăng cường cải thiện chất lượng môi trường sống, cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân, đặc biệt là ở các đô thị, khu, cụm công nghiệp, làng nghề, khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, huyện đảo Lý Sơn, vùng đặc biệt khó khăn, khan hiếm nước ngầm. Đến năm 2018, tỷ lệ xử lý nước thải trong các khu công nghiệp, khu kinh tế ước đạt 66%; tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom ước đạt 80%; ở nông thôn ước đạt 52%; xử lý chất thải rắn y tế ước đạt 82%; tỷ lệ dân cư đô thị dùng nước sạch đạt ước 88%; tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt 91%.

Các lĩnh vực văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh trật tự và an toàn xã hội được đảm bảo: Đến năm 2018, ước tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 9,39, giảm 3,67% so với cuối năm 2015; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,93%/năm (Kế hoạch giảm 2%/năm); tỷ lệ giường bệnh/1 vạn dân ước đạt 27,3 (Kế hoạch đến năm 2020 đạt 24); số bác sĩ /1 vạn dân ước đạt 7,11 vượt kế hoạch đề ra (đến năm 2020 là 7 bác sĩ/vạn dân).

Về kết quả thực hiện cải cách hành chính: Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Thực hiện sắp xếp tinh gọn cơ cấu tổ chức bên trong của một số sở, ngành, tạo điều kiện thuận lợi trong việc giải quyết chính sách tinh giản biên chế. Đến nay, đã giảm 114 đơn vị sự nghiệp công lập; giảm 09 phòng, ban thuộc sở; biên chế hành chính giảm 165 công chức, tương ứng với 6,373%; giảm 1.709 biên chế sự nghiệp, tương ứng với 6,35%. Thực hiện thí điểm hợp nhất các cơ quan khối Nhà nước và khối Đảng có chức năng tương đồng. Đến nay, có 18 cơ quan chuyên môn của 09 huyện, thành phố đã hợp nhất với các cơ quan tham mưu, giúp việc thuộc huyện ủy, thành ủy.

II. Thực hiện liên kết phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Quảng Ngãi là một trong 5 tỉnh, thành phố của Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung. Trong thời gian qua, Quảng Ngãi đã tích cực phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và các địa phương trong Vùng xây dựng các kế hoạch, chương trình, dự án nhằm phát triển Vùng như: đầu tư kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống hạ tầng giao thông kết nối; liên kết xúc tiến thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại; liên kết phát triển du lịch; tham gia xây dựng cơ chế, chính sách

¹ Lũy kế đến cuối năm 2018, toàn tỉnh 510 dự án còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký khoảng 236.491 tỷ đồng; có 267 dự án đi vào hoạt động.

² Lũy kế, toàn tỉnh có 61 dự án còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 1.761,85 triệu USD.

chung của Vùng.

1. Kết quả thực hiện liên kết phát triển

a) Phối hợp xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch liên kết Vùng

Phối hợp xây dựng Kế hoạch liên kết phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung giai đoạn 2016-2020; phối hợp nghiên cứu cơ chế, chính sách cho các địa phương trong Vùng. Từ năm 2015, tham gia đóng góp kinh phí phục vụ cho hoạt động của Hội đồng Vùng (250.000.000 đồng/năm).

Cụ thể hóa các Chương trình, Kế hoạch liên kết phát triển chung của Vùng. Thành lập Tổ điều phối phát triển vùng KTTĐ miền Trung tỉnh Quảng Ngãi (tại Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 14/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh); Xây dựng Chương trình, kế hoạch điều phối 5 năm 2016-2020 và Kế hoạch liên kết phát triển Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung hàng năm của tỉnh.

b) Về công tác liên kết xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư, phát triển du lịch; đầu tư kết cấu hạ tầng và phát triển văn hóa, xã hội

- Thông qua các hội nghị, hội thảo của Hội đồng Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung tổ chức, tham gia xây dựng, đề xuất cơ chế, chính sách phát triển Vùng trong các lĩnh vực: Phát triển hệ thống và trung tâm logistics; hợp tác, phát triển các Khu Kinh tế và các Khu công nghiệp trong Vùng; xúc tiến đầu tư, quảng bá du lịch; phát triển hệ thống giao thông kết nối; hợp tác, hỗ trợ phát triển về khoa học, giáo dục, gìn giữ và phát huy đời sống văn hóa xã hội các địa phương trong Vùng... Đồng thời, phối hợp, triển khai một số nội dung liên kết, hợp tác và hỗ trợ phát triển giữa tỉnh Quảng Ngãi với các địa phương trong Vùng, cụ thể như với Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài việc phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương để xúc tiến đầu tư vào các tỉnh, thành phố trong Vùng, Quảng Ngãi cũng đã phối hợp với Trung ương Hội doanh nghiệp trẻ, VSIP tổ chức xúc tiến đầu tư vào tỉnh; tham gia diễn đàn kinh tế Việt Nam - Singapore.

- Định kỳ hàng năm, liên kết, phối hợp với Sở Công Thương các địa phương trong khu vực miền Trung, Tây Nguyên tổ chức các hoạt động về xúc tiến thương mại và khuyến công. Phối hợp với Bộ Công Thương, chủ trì tổ chức Hội nghị Khuyến công quốc gia các tỉnh miền Trung - Tây nguyên (năm 2016); tổ chức “Hội nghị kết nối cung cầu Quảng Ngãi (năm 2017); tổ chức Hội chợ triển lãm Công Thương duyên hải miền Trung - Quảng Ngãi (năm 2017); tổ chức Hội nghị kết nối tiêu thụ dưa hấu và nông sản có thể mạnh tại tỉnh Quảng Ngãi (năm 2018); qua đó, kết nối các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hợp tác trong sản xuất, cung ứng, tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ.

- Đẩy mạnh liên kết phát triển du lịch với các tỉnh trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên để phát triển du lịch: Chương trình liên kết, hợp tác phát triển du lịch giữa Quảng Ngãi - Quảng Nam - Đà Nẵng và chương trình liên kết, hợp tác phát triển du lịch giữa Quảng Ngãi - Quảng Nam - Đà

Năng - Huế - Thành phố Hồ Chí Minh để gắn kết các khu du lịch trọng điểm của các tỉnh, thành phố, khai thác lượng khách du lịch quốc tế theo tuyến hành trình di sản miền Trung qua Đà Nẵng, Quảng Nam, Huế đến với đảo Lý Sơn - Quảng Ngãi. Phối hợp với các địa phương trong Vùng tổ chức các lớp bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ du lịch và quản lý cho đội ngũ cán bộ, công chức; mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch cho các doanh nghiệp du lịch, lao động trong ngành du lịch hoạt động kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố đề xuất Bộ Giao thông vận tải danh mục Quy hoạch chi tiết tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đối với các tuyến đến và đi tại Quảng Ngãi. Hoàn thành mở rộng Quốc lộ 1; nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 24, đoạn Thạch Trụ - Phở Phong; mở rộng QL1, đoạn Km1027-Km1045+780; đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi.

Hiện tại tỉnh cũng đang huy động nguồn vốn đầu tư tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (giai đoạn 2) để kết nối hệ thống đường ven biển của các địa phương trong Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế biển và khai thác du lịch. Xúc tiến đầu tư tuyến đường Dốc Sỏi - Nam sân bay Chu Lai để kết nối với tỉnh Quảng Nam nhằm góp phần phát huy hiệu quả hơn nữa giữa 02 Khu Kinh tế Dung Quất và Khu Kinh tế mở Chu Lai.

Tỉnh ưu tiên dành ngân sách đầu tư xây dựng và hoàn thành các tuyến đường giao thông trục chính và kết nối KKT Dung Quất với Vùng như: Đường Trì Bình - cảng Dung Quất, kết nối tuyến đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; các trục đường giao thông đối nội: tuyến đường nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường; các tuyến đường trục vào Khu công nghiệp Dung Quất phía Đông, các tuyến đường trục vào Khu công nghiệp Dung Quất phía Tây... Đầu tư hoàn thiện và đồng bộ hệ thống hạ tầng cảng Dung Quất 1 nhằm sớm hình thành tuyến container và phát triển dịch vụ logistics phục vụ vận chuyển hàng hoá thông qua cảng của Quảng Ngãi nói riêng và khu vực miền Trung Tây nguyên nói chung.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ giữa các địa phương trong Vùng. Hỗ trợ và thường xuyên tham gia các hoạt động hội thảo khoa học liên quan về lịch sử, con người, vùng đất các địa phương trong Vùng; chia sẻ về kết quả, hỗ trợ nhau trong bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa tương đồng, đặc biệt là di sản văn hóa dân tộc thiểu số.

2. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình liên kết phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung vẫn còn gặp một số hạn chế, khó khăn như sau:

- Hầu hết các công việc triển khai chỉ dừng ở mức độ xây dựng Kế hoạch, chương trình công tác, tổ chức hội nghị, hội thảo, gặp gỡ trao đổi nội dung liên

kết. Sự phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng kinh tế trọng điểm chủ yếu dừng lại ở mức độ cam kết thỏa thuận giữa lãnh đạo các địa phương; phạm vi liên kết còn hẹp, các lĩnh vực liên kết mang tính tự phát, thiếu bền vững. Đặc biệt, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhất là hạ tầng giao thông kết nối giữa các địa phương chưa được quan tâm phối hợp xây dựng và quản lý, sử dụng hiệu quả.

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng và quy hoạch ngành theo vùng hiện chưa thực sự là công cụ hữu hiệu trong định hướng, điều phối, phân bổ ngân sách, thu hút đầu tư, quản trị không gian kinh tế, cấp giấy phép đầu tư trong phát triển kinh tế - xã hội vùng, thực hiện vai trò ràng buộc liên kết nội vùng. Việc thực hiện, quản lý quy hoạch của Vùng gặp nhiều hạn chế.

- Thiếu sự liên kết, phát triển cụm ngành trong các Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp và liên kết giữa các KKT, KCN giữa các địa phương, dẫn đến phân tán các nguồn lực. Giữa các khu công nghiệp trong từng địa phương và giữa các khu công nghiệp trong Vùng có cơ cấu thu hút đầu tư tương tự nhau, nên không hình thành các cụm ngành có mối liên kết theo chuỗi ngành hàng với nhau.

- Thu hút đầu tư trùng lặp, chồng chéo, có biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh giữa các địa phương. Trong thực tế, giữa các địa phương trong Vùng hầu như rất ít các hoạt động liên kết thu hút đầu tư và diễn ra tình trạng cạnh tranh, chạy đua thu hút đầu tư, theo hướng “đua xuống đáy”. Để thực hiện việc thu hút đầu tư, các địa phương sử dụng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư ở mức cao nhất như: giảm thuế, giảm giá thuê đất, giảm thời gian và mức thuế thu nhập...

III. Kiến nghị, đề xuất

Nhằm phát huy các lợi thế và khắc phục các khó khăn, thách thức nói riêng của tỉnh Quảng Ngãi, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và Vùng Nam Trung bộ (duyên hải nam Trung Bộ và Tây Nguyên) nói chung, từng bước phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, cần thiết phải có cơ chế, chính sách về liên kết, phối hợp giữa các địa phương trong Vùng, đầu tư hạ tầng giao thông kết nối, đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tập trung đầu tư các cụm ngành trọng điểm, phát triển du lịch,... của Vùng, tỉnh Quảng Ngãi đề xuất, kiến nghị một số nội dung liên quan sau:

1. Về cơ chế, chính sách

a) Nghiên cứu sửa đổi các Luật đầu tư, Luật đất đai, Luật nhà ở đảm bảo tính đồng bộ, tạo điều kiện huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng đô thị trên địa bàn tỉnh.

b) Đề nghị Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho các tỉnh, thành phố được quyết định việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 10ha trở lên trong hạn mức Chính phủ giao về diện tích đất trồng lúa được chuyển sang đất phi nông nghiệp theo từng năm đã được ghi tại Nghị quyết của Chính phủ về phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong thời kỳ nhất định của tỉnh, thành phố.

c) Đề nghị Chính phủ chỉ quy định các yêu cầu, tiêu chí đầu tư sân golf và ủy quyền cho tỉnh quyết định đầu tư, đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội từng tỉnh.

d) Việc cấp phép đầu tư cho các dự án lớn có vốn đầu tư ngoài ngân sách thường bị kéo dài thời gian; đề nghị ủy quyền cho địa phương thực hiện việc cấp phép và chịu trách nhiệm để tạo điều kiện thu hút đầu tư.

e) Cơ chế liên kết vùng miền Trung:

- Cần xây dựng chiến lược liên kết kinh tế vùng phù hợp; phát huy tối đa lợi thế của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, Vùng Nam Trung Bộ.

- Có cơ chế điều phối, quản trị vùng; xây dựng cơ chế, chính sách thích hợp, thúc đẩy liên kết phát triển giữa các địa phương trong Vùng và với các vùng khác trên cả nước.

- Tăng cường sự hợp tác, liên kết và thiết lập mạng lưới các Khu Kinh tế trong Vùng, đặc biệt, chú trọng quy hoạch các lĩnh vực mời gọi đầu tư và chính sách thu hút vốn đầu tư, cung ứng nhân lực, nguyên liệu và phân phối sản phẩm.

- Tập trung các nguồn lực để đầu tư, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông trong Vùng.

- Xây dựng hệ thống giám sát đánh giá việc thực hiện những nội dung liên kết vùng trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp địa phương.

2. Đầu tư kết nối hạ tầng giao thông đồng bộ

- Tiếp tục kéo dài đầu tư đường cao tốc xuyên suốt các tỉnh vùng động lực miền Trung và Nam Trung bộ, trong đó, ưu tiên đầu tư tuyến Quảng Ngãi - Bình Định.

- Trung ương quan tâm hỗ trợ kinh phí cho các tỉnh thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung để đầu tư hoàn thiện tuyến đường ven biển, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế biển. Đề nghị Trung ương hỗ trợ 60% để hoàn thiện toàn bộ tuyến đường. Trong đó, quan tâm hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi đầu tư hoàn thiện đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh.

- Tập trung nguồn lực để đầu tư các tuyến đường kết nối giữa Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với khu vực Tây Nguyên, trong đó, có tuyến quốc lộ 24 đi qua tỉnh Quảng Ngãi - Kon Tum và kết nối với cửa khẩu quốc tế Bờ Y.

- Đầu tư nâng cấp sân bay Chu Lai thành sân bay hành khách và trung chuyển quốc tế, trong đó, nghiên cứu mở rộng về phía Nam khoảng 1.000 - 1.500 ha để tạo động lực thúc đẩy phát triển Khu Kinh tế Dung Quất và Khu Kinh tế mở Chu Lai.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp các cảng biển, nhất là các cảng biển nước sâu trong khu vực, trong đó, có cảng Dung Quất.

Trên đây là báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2018; vai trò của tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, PCVP (TH), CBTH;
- Lưu VT, THptth255.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Căng